Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9006.91.40

Mã HS	9006.91.40
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Sử dụng cho máy ảnh: / - - - Loại khác, dùng cho máy ảnh của phân nhóm 9006.40 hoặc 9006.53
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	03/11/2026 14:27:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90069140/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17978
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17978
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17978
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17281
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17210
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17210
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17210
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17210
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17210
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17210
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17266
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17266

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17266
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17266
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17266
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17266
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17267
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17267
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17267
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17267
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17267
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17267
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17272
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17228
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17224
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17224
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17224
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17224
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17224
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17224
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17270
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17270
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17270
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17270
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17270
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17270
VCFTA	2022	2022	3	VC!D17332
VCFTA	2023	2023	1	VC!E17332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17332
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17332
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17332
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17332
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17308
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17308
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17308
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17308
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17308
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17308
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D17303
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E17303
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F17303
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G17303
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H17303
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17303
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D17333
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17333
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17333
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17333
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17333
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17333
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D17332
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17332
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17332
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17332
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17332
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17426
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17426
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17426
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17426
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17426
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17426
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17426
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17295
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17295
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17295
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17295
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17295
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17295
RCEP B	2022	2022	0	B!D17295
RCEP B	2023	2023	0	B!E17295
RCEP B	2024	2024	0	B!F17295
RCEP B	2025	2025	0	B!G17295
RCEP B	2026	2026	0	B!H17295
RCEP B	2027	2027	0	B!I17295
RCEP C	2022	2022	0	C!D17293
RCEP C	2023	2023	0	C!E17293
RCEP C	2024	2024	0	C!F17293
RCEP C	2025	2025	0	C!G17293
RCEP C	2026	2026	0	C!H17293

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17293
RCEP D	2022	2022	0	D!D17292
RCEP D	2023	2023	0	D!E17292
RCEP D	2024	2024	0	D!F17292
RCEP D	2025	2025	0	D!G17292
RCEP D	2026	2026	0	D!H17292
RCEP D	2027	2027	0	D!I17292
RCEP E	2022	2022	0	E!D17296
RCEP E	2023	2023	0	E!E17296
RCEP E	2024	2024	0	E!F17296
RCEP E	2025	2025	0	E!G17296
RCEP E	2026	2026	0	E!H17296
RCEP E	2027	2027	0	E!I17296
RCEP F	2022	2022	0	F!D17295
RCEP F	2023	2023	0	F!E17295
RCEP F	2024	2024	0	F!F17295
RCEP F	2025	2025	0	F!G17295
RCEP F	2026	2026	0	F!H17295
RCEP F	2027	2027	0	F!I17295
VIFTA	2024	2024	12	VI!F16220
VIFTA	2025	2025	9	VI!G16220
VIFTA	2026	2026	6	VI!H16220
VIFTA	2027	2027	3	VI!I16220

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9006.91 có 4 dòng thuế; dòng 9006.91.40 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác, dùng cho máy ảnh của phân nhóm 9006.40 hoặc 9006.53.	9006.91.10 Sử dụng cho máy vẽ ảnh laser thuộc phân nhóm 9006.59.21; 9006.91.50 Loại khác, dùng cho máy ảnh của phân nhóm 9006.59.11 hoặc 9006.59.19; 9006.91.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9006.91.40 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9006.91.40	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.91.40. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 9006.91.40 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17978), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.